PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật xây dựng; Cắt gọt kim loại; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử dân dụng; Điện tử công nghiệp; May thời trang; Nghiệp vụ nhà hàng - Quản trị nhà hàng; Kỹ thuật chế biến món ăn

Phụ lục

Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật xây dựng; Cắt gọt kim loại; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử dân dụng; Điện tử công nghiệp; May thời trang; Nghiệp vụ nhà hàng - Quản trị nhà hàng; Kỹ thuật chế biến món ăn

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(Tiếp theo Công báo số 341 + 342)

Phụ lục 11b

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐỘ QUỐC GIA NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Điện tử công nghiệp
Mã nghề: 50510345
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Tên nghề: Điện tử công nghiệp
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ cứu thương
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ kính có khóa bấm	*Chiếc*	*1*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*1*	
	Dụng cụ sơ cứu	*Bộ*	*1*	
2	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm			
	Bình chữa cháy CO_2	Chiếc	1	
	Dụng cụ chữa cháy	Bộ	1	
	Thiết bị báo cháy	Bộ	1	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	Chiếc	1	
3	Bảo hộ lao động	Bộ	1	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ bảo hộ lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần, áo bảo hộ	*Bộ*	*1*	
	Mũ vải	*Chiếc*	*1*	
	Giày bảo hộ	*Đôi*	*1*	
	Găng tay	*Đôi*	*1*	
	Khẩu trang	*Chiếc*	*1*	
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*1*	
	Ủng cao su	*Đôi*	*1*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Bộ thí nghiệm mạch điện xoay chiều	Bộ	2	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô đun nguồn cung cấp	*Bộ*	*1*	*- $U_{vào}$: 220/380VAC* *- $I_{đm}$: (5 ÷ 10)A* *- Điện áp ra thay đổi được: (90 ÷ 400)VAC*
	Đồng hồ cosφ	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng*
	Ampe mét AC	*Chiếc*	*01*	
	Vôn mét AC	*Chiếc*	*01*	
	Mô đun tải (thuần trở, thuần cảm, thuần dung)	*Bộ*	*01*	*Thông số phù hợp với bài thí nghiệm*
5	Bộ thí nghiệm mạch điện một chiều	Bộ	1	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô đun nguồn cung cấp	*Bộ*	*1*	*- $U_{vào}$ = 220VAC* *- $I_{đm}$: (5 ÷ 10)A* *- Điện áp ra thay đổi được: (6 ÷ 24) VDC*
	Cầu đo điện trở	*Bộ*	*1*	*Khoảng đo ≤ 50MΩ*
	Ampe mét DC	*Chiếc*	*02*	*Loại thông dụng*
	Vôn mét DC	*Chiếc*	*02*	
	Vôn mét AC	*Chiếc*	*1*	
	Mô đun tải	*Bộ*	*1*	*$P_{đm}$ ≤ 100W*
6	Máy biến áp tự ngẫu 1 pha	Chiếc	09	Công suất ≤ 2kVA
7	Máy biến áp 3 pha	Chiếc	09	Công suất: ≥ 0,5kVA
8	Mô hình cắt bổ động cơ 3 pha	Chiếc	01	Công suất: (0,37 ÷ 1)kW, cắt 1/4 stato động cơ
9	Mô hình dàn trải bộ dây quấn Stato động cơ điện xoay chiều không đồng bộ ba pha	Bộ	01	Thể hiện được cách đấu nối dây
	Mỗi bộ bao gồm:			

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mô đun dàn trải bộ dây quấn Stato kiểu đồng tâm	*Bộ*	*01*	
	Mô đun dàn trải bộ dây quấn Stato kiểu đồng khuôn	*Bộ*	*01*	
10	Động cơ điện không đồng bộ 1 pha	Chiếc	09	Công suất: ≤ 1,5kW
11	Động cơ 3 pha	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1,5kW
12	Động cơ một chiều	Chiếc	09	Công suất: ≥ 0,55kW
13	Tủ sấy	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
14	Bàn là	Bộ	09	Công suất: ≤ 1500W
15	Nồi cơm điện	Bộ	09	Dung tích ≥ 1,8 lít
16	Lò vi sóng	Bộ	09	Công suất: ≥ 900W
17	Ổn áp	Bộ	09	- Công suất ≥ 1kVA - Điện áp đầu vào: 150V ÷ 240V - Điện áp đầu ra: 220V ± 1,5 ÷ 2%
18	Chỉnh lưu cầu 1 pha	Bộ	09	- Điện áp: ≤ 600V - Dòng điện: ≤ 15A
19	Điện trở hãm	Bộ	09	Loại có trị số phù hợp với thông số phụ tải hãm
20	Cuộn kháng	Bộ	09	Loại có trị số phù hợp với thông số động cơ
21	Bộ điều chỉnh tốc độ động cơ	Bộ	09	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm			
	Điều chỉnh tốc độ động cơ một chiều	*Bộ*	*01*	
	Điều chỉnh tốc độ động cơ xoay chiều	*Bộ*	*01*	
22	Bộ nguồn một chiều	Bộ	09	Loại có điện áp đầu ra vô cấp
23	Bể ngâm hóa chất	Chiếc	01	- Có hệ thống đun nóng hóa chất - Bồn rửa sạch sau khi ăn mòn
24	Mô hình mạch điện chiếu sáng	Bộ	01	Thể hiện được cách đấu dây, công tắc, đèn
25	Mô hình mạch điện máy cắt gọt kim loại	Bộ	01	- Mạch điện máy phay - Mạch điện máy tiện - Mạch điện máy mài

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
26	Mô hình mạch điện hệ thống băng tải	Bộ	01	Loại băng tải thông dụng trên thị trường
27	Mô hình mạch điện thang máy	Bộ	01	Loại thang máy thông dụng trên thị trường
28	Bộ thực hành điện tử cơ bản	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Mô đun mạch chỉnh lưu	*Bộ*	*01*	*Nhiều mức điện áp ra một chiều*
	Mô đun mạch ổn áp	*Bộ*	*01*	*Ổn định dải điện áp từ ± 3VDC đến ± 30VDC*
	Mô đun mạch dao động cơ bản	*Bộ*	*01*	*Có dải tần số 16Hz đến 30Mhz*
	Mô đun mạch khuếch đại cơ bản dùng transistor	*Bộ*	*01*	*Hệ số khuếch đại β ≤ 1000*
	Mô đun mạch khuếch đại cơ bản dùng FET	*Bộ*	*01*	*Hệ số khuếch đại β ≤ 1000*
	Mô đun mạch ghép transistor và hồi tiếp	*Bộ*	*01*	*Hệ số khuếch đại β ≤ 1000*
	Mô đun mạch khuếch đại công suất trực tiếp	*Bộ*	*01*	*Công suất ≥ 2W*
29	Bộ thực hành vi mạch tương tự	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Mô đun nguồn	*Bộ*	*01*	*- Điện áp ra:* *+ Một chiều đối xứng* *+ Một chiều vô cấp*
	Mô đun mạch ứng khuếch đại thuật toán cơ bản	*Bộ*	*01*	*- Bao gồm: khuếch đại đảo, khuếch đại không đảo, khuếch đại vi sai, khuếch đại cộng, trừ, nhân, chia, tích phân, vi phân, logarit* *- Hệ số khuếch đại ≤ 100*
	Mô đun mạch dao động	*Bộ*	*01*	*- Mạch dao động sin* *- Mạch dao động không sin*
	Mô đun khuếch đại âm tần	*Bộ*	*01*	*Hệ số khuếch đại ≤ 50W*
30	Bộ thực hành kỹ thuật xung số	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm			

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mô đun điều chế và phát xung	*Bộ*	*01*	*Tần số ≥ 500Hz*
	Mô đun hàm logic cơ bản	*Bộ*	*01*	*AND, OR, NOR, NOT, NAND, X-OR, X-NOR, đệm*
	Mô đun trigơ Flip-Flop	*Bộ*	*01*	*FF-RS, FF - JK, FF- T, FF- D, FF-MS*
	Mô đun mạch đếm và thanh ghi	*Bộ*	*01*	*Có Led đơn và led ma trận*
	Mô đun mạch mã hóa	*Bộ*	*01*	*- Mã hóa 4 sang 2* *- Mã hóa 8 sang 3* *- Mã hóa ưu tiên*
	Mô đun mạch giải mã	*Bộ*	*01*	*- Giải mã 2 sang 4* *- Giải mã 3 sang 8* *- Giải mã BCD sang thập phân* *- Giải mã BCD sang Led 7 đoạn* *- Giải mã BCD sang LCD*
	Mô đun mạch dồn kênh, phân kênh	*Bộ*	*01*	*- Ghép 2 kênh sang 1* *- Ghép 4 kênh sang 1* *- Phân 1 kênh sang 2* *- Phân 1 kênh sang 4*
31	Thiết bị phòng Lab	Bộ	1	Được kết nối thành hệ thống hoàn chỉnh
	Mỗi bộ bao gồm			
	Ca bin	*19*	*Chiếc*	
	Máy vi tính	*19*	*Chiếc*	
	Tai nghe	*19*	*Chiếc*	
	Đài đĩa	*1*	*Chiếc*	
32	Bộ thực hành điện tử nâng cao	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Mô đun linh kiện SMD	*Bộ*	*01*	*- Linh kiện thụ động SMD* *- Linh kiện bán dẫn SMD*
	Mô đun nguồn ổn áp xung	*Bộ*	*01*	*- Ổn áp kiểu xung dùng transistor.* *- Ổn áp kiểu xung dùng IC*
	Mô đun mạch bảo vệ	*Bộ*	*01*	*- Bảo vệ chống ngắn mạch dùng IC* *- Bảo vệ quá áp dùng IC*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mô đun mạch ứng dụng dùng IC OP-AMP	*Bộ*	*01*	*Công suất ≥ 0,5W*
33	Bo cắm chân linh kiện	Chiếc	18	Số lượng lỗ cắm ≥ 300 lỗ
34	Bộ thực hành công tắc điện tử (Van bán dẫn công suất)	Bộ	18	Bao gồm: - Đi ốt công suất - Transistor công suất - Thyritor, triac, diac, mosfet, GTO, IGBT
35	Bộ thực hành chỉnh lưu 1 pha không điều khiển	Bộ	18	Làm việc ở dòng ≥ 2A
36	Bộ thực hành chỉnh lưu có điều khiển	Bộ	18	Làm việc ở dòng ≥ 2A
	Mỗi bộ bao gồm			
	Bộ thực hành chỉnh lưu 1 pha có điều khiển	*Bộ*	*01*	
	Bộ thực hành chỉnh lưu 3 pha có điều khiển	*Bộ*	*01*	
37	Bộ thực hành nghịch lưu điều khiển	Bộ	18	Làm việc ở dòng ≥ 2A
	Mỗi bộ bao gồm			
	Bộ thực hành nghịch lưu điều khiển nguồn dòng	*Bộ*	*01*	
	Bộ thực hành nghịch lưu điều khiển nguồn áp	*Bộ*	*01*	
38	Bộ thực hành điều chỉnh điện áp xoay chiều	Bộ	18	- Điều chỉnh điện áp 1 pha, 3 pha nối sao tải thuần - Điều chỉnh điện áp 1 pha, 3 pha tải trở kháng (R và L)
	Mỗi bộ bao gồm			
	Bộ thực hành điều chỉnh điện áp xoay chiều 1 pha	*Bộ*	*01*	
	Bộ thực hành điều chỉnh điện áp xoay chiều 3 pha	*Bộ*	*01*	
39	Biến tần	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm			
	Biến tần gián tiếp			
	Biến tần trực tiếp			
40	Khối mô đun tải	Bộ	18	Tải R, tải L, tải RL, tải RLE

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
41	Bộ thực hành kỹ thuật vi xử lý	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô đun vi xử lý	*Bộ*	*01*	*Các họ vi xử lý thích hợp*
	Mô đun bàn phím đơn và ma trận bàn phím	*Bộ*	*01*	*Bàn phím đơn 8 phím, khối bàn phím ma trận 4 x 4 phím*
	LED đơn	*Chiếc*	*16*	*LED màu thông dụng, điện áp 5VDC ÷ 12VDC*
	LED 7 thanh	*Chiếc*	*8*	*LED loại A hoặc K, điện áp 5VDC ÷ 12VDC*
	Ma trận LED	*Bộ*	*01*	*Ma trận LED 8 x 8*
	Màn hình tinh thể LCD	*Bộ*	*01*	*Hiển thị ≥ 2 dòng 16 chữ*
	Chuyển đổi ADC, DAC	*Bộ*	*01*	*Độ phân giải ≥ 8 bít*
	Mô đun nguồn	*Bộ*	*01*	*Điện áp ra một chiều: - Đối xứng ± 3v đến ± 24v, - Vô cấp*
	Khối giao tiếp vào ra, giao tiếp ngắt ngoài, giao tiếp máy tính	*Bộ*	*01*	*Cổng giao tiếp vào ra dùng cho các bộ vi xử lý trung tâm, ngắt ngoài dùng IC chuyên dụng*
42	Bộ mạch nạp	Bộ	03	Tương thích với vi xử lý
43	Phần mềm lập trình vi xử lý	Bộ	01	Tương thích với hệ điều hành hiện hành
44	Bộ thực hành vi điều khiển	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Mô đun vi điều khiển	*Bộ*	*01*	*Họ IC vi điều khiển thông dụng hoặc tương đương*
	Mô đun bàn phím ma trận và bàn phím đơn	*Bộ*	*01*	*Bàn phím đơn 8 phím, khối bàn phím ma trận 4 x 4 phím*
	LED đơn	*Chiếc*	*16*	*LED màu thông dụng*
	LED 7 thanh	*Chiếc*	*08*	*LED loại A hoặc K*
	Ma trận LED	*Bộ*	*01*	*Ma trận LED 8 x 8, hoặc kích thước phù hợp*
	Màn hình tinh thể LCD	*Bộ*	*01*	*Hiển thị ≥ 2 dòng 16 chữ*
	Chuyển đổi ADC, DAC	*Bộ*	*01*	*Độ phân giải ≥ 8 bít*
	Rơle trung gian	*Chiếc*	*04*	*Điện áp cuộn hút (12 ÷ 24)VDC, các tiếp điểm 220VAC/5A*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khối đồng hồ thực	*Bộ*	*01*	*Sử dụng các IC thông dụng hoặc tương đương*
	Khối điều khiển và động cơ	*Bộ*	*02*	*Điện áp 9VDC ÷ 12VDC, dùng transistor điều khiển*
	Máy nạp và xóa ROM	*Chiếc*	*03*	*- Kết nối PC thông qua cổng USB* *- Hỗ trợ cho các bản hệ điều hành hiện hành*
45	Phần mềm lập trình vi điều khiển	Bộ	01	Tương thích với hệ điều hành hiện hành
46	Mô đun ghép nối I/O	Bộ	18	- Ghép nối song song - Ghép nối nối tiếp
47	Bộ thực hành PLC cơ bản	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô đun PLC	*Bộ*	*01*	*- Kết nối được với máy vi tính PC qua cổng USB* *- Có tối thiểu 7 cổng điều khiển (I/O)*
	Mô đun điều khiển bằng nút bấm 3 vị trí tác động kép	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≤ 3A* *- 3 đèn tín hiệu (Xanh, đỏ, vàng) công suất ≤ 3W*
	Mô đun cảm biến	*Bộ*	*01*	*- Có ≤ 02 cảm biến* *- Khoảng cách phát hiện tín hiệu (0 ÷ 300)mm* *- Điều chỉnh được khoảng cách phát hiện tín hiệu*
	Mô đun khởi động từ	*Bộ*	*01*	*- Bao gồm 02 công tắc tơ, 01 rơle nhiệt;* *- Dòng điện cho phép ≥ 22A*
	Mô đun Rơle trung gian	*Bộ*	*01*	*- Có ≥ 3 rơle trung gian* *- Dòng điện ≥ 5A*
48	Bộ lập trình vi mạch số	Bộ	18	- Có đầy đủ các khối giao tiếp - Có đủ các mô đun tải để lập trình ứng dụng
49	Bộ thực hành cảm biến	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô đun cảm biến lưu lượng	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Công suất ≤ 0,8Mpa*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mô đun cảm biến siêu âm đo mức	*Bộ*	*01*	*Dòng điện ≥ 400mA*
	Mô đun cảm biến điện dung đo mức	*Bộ*	*01*	*Dòng điện ≥ 400mA*
	Mô đun cảm biến áp suất	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện: ≥ 400mA* *- Công suất: ≤ 0,8Mpa*
	Mô đun cảm biến góc	*Bộ*	*01*	*Dòng điện ≥ 400mA*
	Mô đun cảm biến nhiệt	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng phát hiện từ (Âm $18^0 \leq t \leq 200^0$)*
	Mô đun cặp nhiệt	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng phát hiện từ (âm $18^0 \leq t \leq 200^0$)*
	Mô đun cảm biến thu phát quang	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng cách phát hiện ≥ 8mm*
	Mô đun cảm biến quang trở	*Bộ*	*01*	*Dòng điện ≥ 400mA*
	Mô đun cảm biến từ	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng cách phát hiện ≥ 8mm*
	Mô đun cảm biến tiệm cận điện dung	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng cách phát hiện ≥ 8mm*
	Mô đun cảm biến khói	*Bộ*	*01*	*Dòng điện ≥ 400mA*
	Mô đun cảm biến hồng ngoại	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng cách phát hiện ≥ 8mm*
	Mô đun cảm biến tiệm cận điện cảm	*Bộ*	*01*	*- Dòng điện ≥ 400mA* *- Khoảng cách phát hiện ≥ 8mm*
	Cảm biến lực	*Bộ*	*01*	*Mức tải ≥ 20Kg*
	Cảm biến vị trí	*Bộ*	*01*	*Điện áp (12 ÷ 30) VDC*
50	Bộ thực hành điện khí nén	Bộ	09	
	Mỗi bộ bao gồm			
	Xi lanh hành trình tác động kép	*Chiếc*	*01*	*- Hành trình của pít tông ≥ 100mm* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Xi lanh hành trình tác động đơn	*Chiếc*	*01*	
	Xi lanh băng đai (Xi lanh trượt)	*Chiếc*	*01*	*- Hành trình của pít tông ≥ 400mm* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Xi lanh quay (Động cơ khí nén)	*Chiếc*	*01*	*- Có kích thước ≥ (50 x 100)mm* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Van tiết lưu 1 chiều	*Chiếc*	*01*	*- Lưu lượng tối thiểu 0,5 lít/phút* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Bộ lọc khí	*Bộ*	*01*	*Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Bộ điều áp khí nén	*Bộ*	*01*	*- Có đồng hồ hiển thị áp suất* *- Điều chỉnh bằng tay*
	Bộ tra dầu bôi trơn	*Bộ*	*01*	*Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Đồng hồ đo áp suất khí nén	*Chiếc*	*01*	*- Giải áp làm việc 0 ÷ 1Mpa* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Rơ le áp suất	*Chiếc*	*01*	*Dòng điện cho phép ≥ 3A*
	Van đảo chiều 2/2 điều khiển bằng cơ học	*Chiếc*	*02*	*- Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút* *- Có bánh xe hành trình*
	Van đảo chiều 3/2 tác động đơn điều khiển bằng nút bấm	*Chiếc*	*01*	*Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút*
	Van đảo chiều 3/2 tác động đơn điều khiển bằng điện từ	*Chiếc*	*01*	*- Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút* *- Công suất ≥ 4W*
	Van đảo chiều 3/2 tác động kép điều khiển bằng điện từ	*Chiếc*	*01*	
	Van đảo chiều 3/2 tác động đơn điều khiển bằng khí nén	*Chiếc*	*01*	*- Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Van đảo chiều 5/2 tác động đơn điều khiển bằng nút bấm	*Chiếc*	*01*	
	Van đảo chiều 5/2 tác động đơn điều khiển bằng điện từ có phụ khí	*Chiếc*	*01*	*- Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút* *- Công suất ≥ 4W*
	Van lô gic AND	*Chiếc*	*01*	*Lưu lượng ≥ 0,3 lít/phút*
	Van lô gic OR	*Chiếc*	*01*	
	Van đảo chiều 5/2 tác động đơn điều khiển bằng khí nén	*Chiếc*	*01*	*- Lưu lượng ≥ 0,5 lít/phút* *- Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Van đảo chiều 5/2 tác động kép điều khiển bằng khí nén	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Bộ nối chữ T	*Chiếc*	*04*	*Sử dụng đầu nối nhanh, có đường kính ≥ 4mm*
	Cảm biến từ	*Chiếc*	*02*	*- Dòng điện ≥ 150mA* *- Sử dụng gắn trên thân xilanh*
	Cảm biến hồng ngoại	*Chiếc*	*02*	*- Dòng điện ≥ 150m* *- Khoảng cách phát hiện trong khoảng (0 ÷ 300)mm*
	Cảm biến tiệm cận loại điện cảm	*Chiếc*	*02*	*- Dòng điện ≥ 150m* *- Khoảng cách phát hiện (0 ÷ 15)mm*
	Công tắc hành trình có bánh xe	*Chiếc*	*02*	*Dòng điện ≤ 5A*
	Bộ nút bấm 3 vị trí tác động kép	*Bộ*	*01*	
51	Bộ lập trình PLC	Bộ	09	- Số cổng vào ≥ 8 - Số cổng ra ≥ 6
52	Bộ lập trình cỡ nhỏ	Bộ	09	- Màn hình: LCD ≥ 7” - Số cổng vào ≥ 7 - Số cổng ra ≥ 4
53	Bộ lập trình ZEN	Bộ	09	- Màn hình: LCD ≥ 4” - Số cổng vào ≥ 6 - Số cổng ra ≥ 4
54	Mô hình thang máy xây dựng	Bộ	01	Có ≥ 03 tầng
55	Mô hình máy trộn hóa chất	Bộ	01	Công suất ≥ 0,5kW
56	Mô hình xe chuyển nhiên liệu	Bộ	01	Công suất ≥ 0,5kW
57	Mô hình đo chiều dài và xắp xếp vật liệu	Bộ	01	Loại hoạt động được
58	Mô hình thiết bị đóng chai	Bộ	01	
59	Mô hình thiết bị nâng hàng	Bộ	01	
60	Mô đun điều khiển bằng nút bấm 3 vị trí tác động kép	Bộ	01	- Dòng điện ≥ 3A - 3 đèn tín hiệu (Xanh, đỏ, vàng) công suất ≥ 3W
61	Mô đun cảm biến	Bộ	01	- Có ≥ 02 cảm biến - Khoảng cách phát hiện tín hiệu (0 ÷ 300)mm - Điều chỉnh được khoảng cách phát hiện

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
62	Mô đun khởi động từ	Bộ	01	- Bao gồm 02 công tắc tơ, 01 rơle nhiệt - Dòng điện cho phép ≥ 22A
63	Mô đun Rơle trung gian	Bộ	01	- Có ≥ 3 rơle trung gian - Dòng điện ≥ 5A
64	Mô hình Rô bốt công nghiệp	Bộ	03	Loại hoạt động được
65	Mô hình truyền dẫn động điện cơ	Bộ	06	Loại đa cấp
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bộ truyền động bánh răng sóng	*Bộ*	*01*	
	Bộ truyền động bánh răng con lăn	*Bộ*	*01*	
	Bộ truyền động vít đai ốc bi	*Bộ*	*01*	
66	Bàn thực hành cơ điện	Chiếc	01	- Đủ 18 vị trí làm việc - Nguồn 1 chiều, xoay chiều - Hệ thống đo lường - Hệ thống bảo vệ
67	Bàn thực hành điện tử	Chiếc	01	- Đủ 18 vị trí làm việc - Nguồn 1 chiều vô cấp - Nguồn 1 chiều đối xứng 5V, 9V, 12V, 15V - Nguồn xoay chiều 220V - Nguồn xoay chiều 15V - Bảo vệ quá áp, quá dòng
68	Bàn nguội	Chiếc	01	Đảm bảo 18 vị trí làm việc
69	Ê to	Chiếc	18	Độ mở ≤ 300mm
70	Máy mài hai đá	Chiếc	03	Đường kính đá ≥ 350mm
71	Máy khoan bàn	Chiếc	03	Công suất: (1 ÷ 2,2)kW
72	Thiết bị uốn cong	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường
73	Bộ mẫu	Bộ	06	
74	Bàn máp	Chiếc	03	Kích thước: ≤ (700 x 500)mm
75	Bộ dụng cụ đo cơ khí	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước cặp	*Chiếc*	*18*	*- Phạm vi đo: 0 đến 300mm* *- Độ chính xác: 0,04mm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Thước lá	*Chiếc*	*18*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Ê ke	*Chiếc*	*18*	
	Compa vạch dấu	*Chiếc*	*18*	
76	Máy hiện sóng (Oscilloscope)	Chiếc	09	Dải tần ≥ 20MHz
77	Máy phát xung	Bộ	09	- Dải tần 0,05Hz ÷ 5MHz - Phát tần đa chức năng
78	Bộ dụng cụ đo lường điện	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đồng hồ vạn năng	*Chiếc*	*18*	
	Đồng hồ đo từ trường	*Chiếc*	*03*	
	Đồng hồ đo cách điện	*Chiếc*	*01*	
	Đồng hồ đo tốc độ	*Chiếc*	*01*	
	Ampe kế DC, AC	*Chiếc*	*04*	
	Vôn kế DC, AC	*Chiếc*	*03*	
	Đồng hồ đo công suất	*Chiếc*	*01*	
	Watt kế	*Chiếc*	*01*	
	Đồng hồ đo tần số	*Chiếc*	*01*	
	Đồng hồ đo cosφ	*Chiếc*	*01*	
	Am pe kìm	*Chiếc*	*09*	
	Máy đo R,L,C	*Bộ*	*09*	
79	Bộ dụng cụ sửa chữa điện tử cầm tay	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Máy hàn thiếc	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Hút thiếc	*Chiếc*	*01*	
	Tuốc nơ vít 2 cạnh và 4 cạnh	*Bộ*	*02*	*- Chiều dài ≤ 300mm* *- Đường kính thân ≥ 3mm*
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*	
	Kìm uốn	*Chiếc*	*01*	
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*	
	Bút thử điện	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
80	Bộ dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	18	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đục bằng	*Chiếc*	*01*	
	Búa nguội	*Chiếc*	*01*	
	Búa cao su	*Chiếc*	*01*	
	Cưa gỗ cầm tay	*Chiếc*	*01*	
	Vam 3 càng	*Chiếc*	*01*	
81	Máy bơm thủy lực	Chiếc	01	Áp suất ≤ 280 bar
82	Máy nén khí	Chiếc	01	Áp suất khí ≥ 7 bar
83	Bộ mẫu linh kiện thụ động	Bộ	01	Đảm bảo đủ một số chủng loại cơ bản
84	Bộ mẫu linh kiện bán dẫn	Bộ	01	
85	Bộ mẫu linh kiện quang điện tử	Bộ	01	
86	Bộ khí cụ điện	Bộ	09	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cầu dao	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Công tắc	*Chiếc*	*01*	
	Áp tô mát	*Chiếc*	*01*	*- Công suất ≥ 1kVA* *- Bảo vệ quá dòng, quá điện áp*
	Khởi động từ	*Chiếc*	*01*	*Công suất ≥ 0,37kW*
	Cầu chì	*Chiếc*	*01*	*Công suất ≥ 0,37kW*
	Rơ le nhiệt	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Rơ le điện áp	*Chiếc*	*01*	
	Nút ấn	*Chiếc*	*01*	
	Bộ khống chế	*Chiếc*	*01*	
	Rơ le trung gian	*Chiếc*	*01*	
	Rơ le thời gian	*Chiếc*	*01*	
	Rơ le tốc độ	*Chiếc*	*01*	
87	Bộ mẫu vật liệu điện	Bộ	09	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Vật liệu dẫn điện	*Chiếc*	*01*	
	Vật liệu cách điện	*Chiếc*	*01*	
	Vật liệu từ	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
88	Máy hàn khò	Chiếc	09	Loại thông dụng trên thị trường
89	Khoan cầm tay	Chiếc	01	Sử dụng mũi khoan có đường kính (0,5 ÷ 10)mm
90	Phần mềm thiết kế mạch	Bộ	01	Phù hợp với hệ điều hành thông dụng tại thời điểm mua sắm
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
91	Máy vi tính	Bộ	1	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
92	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng ≥ 2500 Ansilumnent - Kích thước phông chiếu ≥ (1800 x 1800)mm
93	Máy in	Chiếc	02	Loại thông dụng
94	Loa máy tính	Bộ	01	Công suất ≥ 25W

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP
Trình độ: Cao đẳng nghề

(Theo Quyết định số 1730/QĐ-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Phan Văn Vượng	Thạc sỹ kỹ thuật	P. Chủ tịch HĐTĐ
3	Ông Nguyễn Tiến Bộ	Kỹ sư Điện - Điện tử	Ủy viên thư ký
4	Ông Vương Đạo Nhân	Thạc sỹ Sư phạm kỹ thuật điện	Ủy viên
5	Ông Đỗ Văn Phán	Thạc sỹ Tự động hóa	Ủy viên
6	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thạc sỹ Tự động hóa	Ủy viên
7	Ông Đỗ Thanh Tùng	Kỹ sư Điện - điện tử	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 12a

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐỘ QUỐC GIA NGHỀ MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: May Thời trang

Mã nghề: 40540205

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề May Thời trang theo từng môn học, mô đun

Bảng 1. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Vẽ kỹ thuật ngành may (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Nhân trắc học (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Cơ sở thiết kế trang phục (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Vật liệu may (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Thiết bị may (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: An toàn lao động (MH 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 1 (MĐ 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo sơ mi nam, nữ (MĐ 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May quần âu nam, nữ (MĐ 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 2 (MĐ 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo jacket Nam (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May các sản phẩm nâng cao (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (MH 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Công nghệ sản xuất (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Quản lý chất lượng sản phẩm (MH 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế mẫu công nghiệp (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 3 (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May váy, áo váy (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Cắt - may thời trang áo sơ mi. quần âu (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thực tập tốt nghiệp (MĐ 26)

Phần B. Tổng hợp các thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Bảng 21. Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Danh sách Hội dồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề May thời trang

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang trình độ trung cấp nghề là danh mục các loại thiết bị dạy nghề (*dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...)* và số lượng từng loại thiết bị đào tạo nghề mà cơ sở dạy nghề phải trang bị để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình dạy nghề May Thời trang trình độ trung cấp nghề ban hành kèm theo Quyết định số 761/QĐ-TCDN ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

I. Nội dung danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang

1. Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia theo từng môn học, mô đun.

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 20, danh mục thiết bị cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun;

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Bảng 21 - Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia cho các môn học, mô đun. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong các danh mục thiết bị cho các môn học, mô đun;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng đáp ứng được yêu cầu của các môn học, mô đun;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi thiết bị đáp ứng được cho tất cả các môn học, mô đun.

II. Áp dụng danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang

Các trường đào tạo nghề May thời trang cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

- Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học mô đun (Bảng 21);

- Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MÔN HỌC: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước kẻ	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Compa	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
2	Bảng vẽ	Chiếc	35	Dùng để kê, dán giấy vẽ và trượt thước T	- Rộng: ≥ 40cm - Dài: ≥ 60cm
3	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: NHÂN TRẮC HỌC

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo kích thước	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	35		
	Thước dây	*Chiếc*	35		
	Thước kẹp	*Chiếc*	35		
2	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao cơ thể	- Chiều dài: (150 ÷ 200) mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300) mm
3	Cân bàn	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo khối lượng cơ thể	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Ghế	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao ngồi	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50)cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
5	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn đo các thông số	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: CƠ SỞ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*		
	Thước dây	*Chiếc*	*35*		
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*		
3	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế các chi tiết sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
4	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	01	Dùng để ghim mẫu thiết kế, mặc thử mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*01*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*01*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Váy nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: VẬT LIỆU MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy xác định độ bền vải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành xác định độ bền đứt và độ kéo đứt vải	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm
2	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn phân loại các dạng nguyên phụ liệu	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Mẫu vải	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo kích thước vải	Chiều dài: ≥ 1500 mm
4	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
5	Kính hiển vi	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết và phân loại các loại xơ dệt	Độ phóng đại: 30X ÷ 100X
6	Kính lúp	Chiếc	09	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết và phân loại cấu trúc kiểu dệt	Độ phóng đại: 12X ÷ 16X

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đếm mật độ các loại vải	Bằng thép không gỉ
8	Ấm đun nước	Chiếc	02	Dùng để để đun nước đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho công việc thí nghiệm	Dung tích: ≤ 3 lít
9	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết các loại xơ sợi	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cốc	*Chiếc*	*01*		
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*		
10	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: THIẾT BỊ MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy dập cúc	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
7	Máy đính cúc	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
8	Máy đính bọ	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
9	Máy vắt gấu	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
11	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01		Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
12	Máy cắt vòng	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Máy đột	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
14	Máy cuốn ống	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
15	Máy trần chun	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
16	Máy lộn cổ	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng thiết bị	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
18	Bàn là nhiệt	Bộ	01		Công suất: ≥ 1500W
19	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*01*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*01*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*01*		
20	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*		
	Thước dây	*Chiếc*	*35*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
21	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
22	Các loại đồ cữ gá	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng đồ cữ, gá	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cữ lộn cổ	*Chiếc*	*01*		
	Cữ cuốn gấu	*Chiếc*	*01*		
	Cữ cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*		
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*		
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*		
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy may an toàn	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		
3	Máy vắt sổ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy vắt sổ an toàn	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy thùa khuyết an toàn	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đính cúc an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đính bọ an toàn	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy vắt gấu an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy ép mex an toàn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vải đẩy tay an toàn	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vòng an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
12	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy dập cúc an toàn	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
13	Máy đột	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đột an toàn	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/ phút
14	Máy cuốn ống	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cuốn ống an toàn	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
15	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy trần chun an toàn	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
16	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là sản phẩm an toàn	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
17	Bàn là nhiệt	Chiếc	01		Công suất: ≥ 1500W
18	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để nhận biết và thực hành sơ cứu nạn nhân khi gặp tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*		
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*		
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Găng tay	*Đôi*	*01*		
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*		
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
19	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*		
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*		
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*		
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*		
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*		
20	Bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*		
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*		
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*		
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*		
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 1

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
4	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam dài tay cổ đứng, chân rời	*Chiếc*	*01*		
	Áo bu dông nam cộc tay	*Chiếc*	*01*		
	Áo sơ mi nữ cổ 2 ve	*Chiếc*	*01*		
	Áo sơ mi nữ cổ lá sen	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam 2 ly xuôi	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam 1 ly lật	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nữ xăng ly ống côn	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO SƠ MI NAM, NỮ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ áo sơ mi nam, nữ	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
7	Máy lộn cổ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
9	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện áo sơ mi nam, nữ	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W
11	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu áo sơ mi nam, nữ	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
12	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
13	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
14	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
15	Dưỡng may cổ	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
16	Dưỡng may măng sét	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may măng sét	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
17	Các loại đồ cữ, gá	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách sử dụng đồ cữ, gá trong quá trình may sản phẩm	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Gá lộn cổ	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn gấu	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Gá cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*		
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*		
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*		
18	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
19	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
20	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY QUẦN ÂU NAM, NỮ

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
12	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
13	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
14	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
15	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may túi quần âu nam, nữ	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
19	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu quần âu nam, nữ
20	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 2

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
2	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
3	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	18		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	18		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	18		
4	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo gió hai lớp	*Chiếc*	*01*		
	Áo Jacket nam ba lớp dáng thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Áo Jacket nữ ba lớp dáng eo	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY ÁO JACKET NAM

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may áo jacket	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành may các đường may song song áo jacket	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
9	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập cúc áo jacket	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
11	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện áo jacket	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết áo jacket	Công suất: ≥ 1500W
13	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
14	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
15	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
16	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành thực hành may túi áo jacket	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
17	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành tra khóa áo jacket	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Ma nơ canh bán thân	Bộ	01	Dùng để thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
19	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
20	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
21	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu áo jacket
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY CÁC SẢN PHẨM NÂNG CAO

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để thực hành vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
10	Máy đột	Bộ	01	Dùng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
11	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để thực hành trần chun sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
14	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
15	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
16	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
17	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
18	Dưỡng may cổ	Bộ	06	Dùng để thực hành may cổ áo	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
19	Dưỡng may măng sét	Bộ	06	Dùng để thực hành may măng sét	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
20	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để thực hành may túi các sản phẩm	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
21	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Dùng để thực hành tra khóa sản phẩm	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
22	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu.. - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
24	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
25	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu các sản phẩm nâng cao
26	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
27	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MÔN HỌC: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để tăng âm trong phòng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*		*Công suất loa: ≥ 20W*
2	Bàn, ghế máy tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ NGHỀ
MÔ ĐUN: CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may 1 kim	Bộ	18	Sử dụng để thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may 2 kim	Bộ	02		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Sử dụng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Sử dụng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Sử dụng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Sử dụng để thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
9	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Sử dụng để thực hành cắt vải	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
10	Máy cắt vòng	Bộ	01	Sử dụng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
11	Máy ép mex	Bộ	01	Sử dụng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Sử dụng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
13	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Sử dụng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
14	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Sử dụng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	Dài: (120 ÷ 180) cm Rộng: (90 ÷ 120) cm Cao: (70 ÷ 90) cm
15	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Sử dụng thực hành đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160) cm - Rộng: (80 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
16	Bàn trải vải	Chiếc	01	Sử dụng để thực hành trải vải	- Dài: (600 ÷ 1600) cm - Rộng: (100 ÷ 200) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
17	Găng tay bảo hộ	Chiếc	02	Sử dụng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
18	Que gạt	Chiếc	02	Sử dụng để gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: (80 ÷ 100) cm
19	Kẹp đứng	Chiếc	10	Dùng để thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
20	Kẹp ngang	Chiếc	10		
21	Chặn vải	Chiếc	01	Sử dụng để chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	- Dài: ≤ 2500 mm - Rộng: ≤ 100 mm - Cao: ≤ 50 mm
22	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Máy tính cá nhân	Chiếc	09	Sử dụng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
25	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Cữ viền mép	Chiếc	01	Sử dụng để hướng dẫn thực hành may viền mép của sản phẩm	Phù hợp với từng sản phẩm
27	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Sử dụng để hướng dẫn thực hành may túi	
28	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Sử dụng để treo sản phẩm để dễ quan sát, treo mẫu thiết kế	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
29	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
30	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước dây	Chiếc	35	Dùng để hướng dẫn đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 1500 mm
2	Kéo cắt chỉ	Chiếc	35	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
4	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra độ kết dính của mex sau khi ép	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra khối lượng của vải	
6	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
7	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160) cm - Rộng: (80 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy đột	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đột sản phẩm	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/ phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
12	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành trải giấy, vải trong quá trình giác mẫu	- Dài: (480 ÷ 500) cm - Rộng: (180 ÷ 200) cm - Cao: (70 ÷ 80) cm
13	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
14	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
15	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
16	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
17	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
18	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ TRANG PHỤC 3

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
3	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
4	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để thực hành đo và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để giới thiệu mô tả đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ	*Chiếc*	*01*		
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*		
	Áo veston nam cổ ve chữ K (2 ve xuôi)	*Chiếc*	*01*		
	Áo veston nam 2 hàng khuy, ve xếch	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: MAY VÁY, ÁO VÁY

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
7	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm
8	Bàn là nhiệt	Bộ	03		Công suất: ≥ 1500W
9	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
10	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
11	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
12	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	06	Dùng để tra khóa váy, áo váy	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
13	Ma nơ canh toàn thân nữ	*Chiếc*	*03*	Dùng để mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
14	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
15	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
16	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu váy, áo váy
17	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: CẮT - MAY THỜI TRANG ÁO SƠ MI, QUẦN ÂU

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	02		
3	Máy cuốn ống	Bộ	02	Dùng để thực hành cuốn các đường may áo sơ mi	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
4	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
7	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
8	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để thực hành dập cúc sản phẩm	Tốc độ: ≤ 3600 vòng/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
10	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để vắt gấu sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
11	Máy lộn cổ	Bộ	01	Dùng để thực hành lộn cổ áo sơ mi nam, nữ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
14	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Dùng để thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
15	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
18	Thước đo	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Thước dây	*Chiếc*	*18*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
19	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: May thời trang
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Tên nghề: May thời trang
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*	
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*	
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Găng tay	*Đôi*	*01*	
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*	
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*	
2	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*	
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*	
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*	
3	Bảo hộ lao động	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*	
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*	
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*	
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*	
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Máy may một kim	Bộ	18	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
5	Máy may hai kim	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
6	Máy vắt sổ	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
7	Máy cuốn ống	Bộ	02	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
8	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
9	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
10	Máy dập cúc	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
11	Máy đính cúc	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
12	Máy đính bọ	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
13	Máy đột	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
14	Máy lộn cổ	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy vắt gấu	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
16	Máy trần chun	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
17	Máy ép mex	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
18	Máy cắt vòng	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
19	Máy xác định độ bền vải	Bộ	1	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm
20	Máy cắt vải đẩy tay	Chiếc	02	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
21	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
22	Bàn là nhiệt	Bộ	03	Công suất: ≥ 1500W
23	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dùi	*Chiếc*	*18*	
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*	
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*	
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*03*	
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*	
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*	
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*	
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*	
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*	
24	Thước đo	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*	
	Thước dây	*Chiếc*	*35*	
	Thước vuông	*Chiếc*	*35*	
	Thước cong	*Chiếc*	*35*	
	Thước kẹp	*Chiếc*	*35*	
25	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước kẻ	*Chiếc*	*01*	
	Thước cong	*Chiếc*	*01*	
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*	
	Compa	*Chiếc*	*01*	
	Ê ke	*Chiếc*	*01*	
26	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	- Chiều dài: (150 ÷ 200) mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300) mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
27	Bàn thiết kế	Chiếc	18	- Chiều cao: (70 ÷ 90) cm - Chiều dài: (120 ÷ 180) cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90) cm
28	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	- Dài: (480 ÷ 500) cm - Rộng: (180 ÷ 200) cm - Cao: (70 ÷ 80) cm
29	Bàn trải vải	Chiếc	01	- Dài: (600 ÷ 1600) cm - Rộng: (100 ÷ 200) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
30	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	- Dài: (120 ÷ 180) cm - Rộng: (90 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
31	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	- Dài: (130 ÷ 160) cm - Rộng: (80 ÷ 120) cm - Cao: (70 ÷ 90) cm
32	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
33	Ghế	Chiếc	02	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50) cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
34	Bảng vẽ	Chiếc	35	Rộng: ≥ 40 cm; Dài: ≥ 60 cm
35	Cân móc	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
36	Cân bàn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
37	Chặn vải	Chiếc	01	- Dài: ≤ 2500 mm - Rộng: ≤ 100 mm - Cao: ≤ 50 mm
38	Kẹp đứng	Chiếc	10	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
39	Kẹp ngang	Chiếc	10	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
40	Que gạt	Chiếc	02	Kích thước: (80 ÷ 100) cm
41	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
42	Kính hiển vi	Chiếc	02	Độ phóng đại: (30X ÷ 100X)
43	Kính lúp	Chiếc	09	Độ phóng đại: (12X ÷ 16X)
44	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Bằng thép không gỉ
45	Ấm đun nước	Chiếc	02	Dung tích: ≤ 3 lít
46	Chân vịt tra khóa	Bộ	06	Phù hợp với yêu cầu sản phẩm
47	Chân vịt tra khóa giọt lệ	Bộ	06	
48	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
49	Dưỡng may cổ	Bộ	06	Theo thông số chuẩn của từng loại cổ
50	Dưỡng may măng sét	Bộ	06	Theo thông số chuẩn của từng loại măng sét
51	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
52	Máy tính cá nhân	Chiếc	09	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
53	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*	
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*	
54	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*	
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*	
55	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mẫu vải	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
56	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cốc	*Chiếc*	*01*	
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*	
57	Các loại đồ cữ gá	Bộ	01	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cữ lộn cổ	*Chiếc*	*01*	
	Cữ cuốn gấu	*Chiếc*	*01*	
	Cữ cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*	
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*	
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*	
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*	
58	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*	
	Móc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*	
59	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Phù hợp trong nghề may
60	Tủ đựng sản phẩm, bài thực hành là	Chiếc	02	Theo kết cấu từng loại sản phẩm gấp và treo
61	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Đủ các bộ phận chủ yếu của: - Áo sơ mi nam, nữ - Quần âu nam, nữ - Áo jacket - Váy, áo váy - Các sản phẩm nâng cao
62	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Váy nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Áo sơ mi nam dài tay cổ đứng, chân rời	*Chiếc*	*01*	
	Áo bu dông nam cộc tay	*Chiếc*	*01*	
	Áo sơ mi nữ cổ 2 ve	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Áo sơ mi nữ cổ lá sen	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nam 2 ly xuôi	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nam 1 ly lật	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nữ xăng ly ống côn	*Chiếc*	*01*	
	Áo gió hai lớp	*Chiếc*	*01*	
	Áo Jacket nam ba lớp dáng thẳng	*Chiếc*	*01*	
	Áo Jacket nữ ba lớp dáng eo	*Chiếc*	*01*	
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ	*Chiếc*	*01*	
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*	
	Áo veston nam cổ ve chữ K (2 ve xuôi)	*Chiếc*	*01*	
	Áo veston nam 2 hàng khuy, ve xếch	*Chiếc*	*01*	
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
63	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*	*Công suất loa: ≥ 20W*
64	Bàn, ghế máy tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
65	Máy vi tính	Bộ	19	Thông số kỹ thuật thông dụng tại thời điểm mua sắm
66	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MAY THỜI TRANG
Trình độ: Trung cấp nghề
(Kèm theo quyết định số 1730/QĐ-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Trần Thủy Bình	Tiến sỹ Quản trị thời trang	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Bà Võ Thị Hồng	Kỹ sư Chế biến lâm sản	Ủy viên Thư ký
4	Bà Lã Thị Ngọc Anh	Tiến sỹ Công nghệ dệt may và thời trang	Ủy viên
5	Bà Đỗ Phương Nga	Thạc sỹ Công nghệ dệt may	Ủy viên
6	Ông Bùi Huy Tùng	Tiến sỹ Vật liệu dệt may	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Đào	Cử nhân Công nghệ dệt may	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 12b

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐỘ QUỐC GIA NGHỀ MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: May Thời trang
Mã nghề: 50540205
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô đun

Bảng 1. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Vẽ kỹ thuật ngành may (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Vật liệu may (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Nhân trắc học (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Cơ sở thiết kế trang phục (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: An toàn lao động (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Thiết bị may (MH 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Mỹ thuật trang phục (MH 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Quản lý chất lượng sản phẩm (MH 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 1 (MĐ 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo sơ mi nam, nữ (MĐ 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May quần âu nam, nữ (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 2 (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo Jacket (MĐ 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 3 (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo Vest nữ một lớp (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế mẫu công nghiệp (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế công nghệ (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo Veston nam (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục trên máy tính (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Cắt - May thời trang áo sơ mi-quần âu (MĐ 26)

Bảng 21. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May các sản phẩm nâng cao (MĐ 27)

Bảng 22. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Đồ họa trang phục (MĐ 28)

Bảng 23. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 4 (MĐ 29)

Bảng 24. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May váy, áo váy (MĐ 30)

Bảng 25. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thiết kế trang phục 5 (MĐ 31)

Bảng 26. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May áo dài (MĐ 32)

Bảng 27. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (MH 33)

Bảng 28. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Giác sơ đồ trên máy tính (MĐ 34)

Bảng 29. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Công nghệ là sản phẩm và hoàn tất sản phẩm (MĐ 35)

Bảng 30. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Trải vải và cắt công nghiệp (MĐ 36)

Bảng 31. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: May trang phục công sở (MĐ 37)

Bảng 32. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Cắt - May thời trang áo khoác ngoài (MĐ 38)

Bảng 33. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học: Marketing (MH 39)

Bảng 34. Danh mục thiết bị dạy nghề mô đun: Thực tập tốt nghiệp (MĐ 40)

Phần B. Tổng hợp các thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Bảng 35. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học, mô đun

Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề May thời trang

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang trình độ cao đẳng nghề là danh mục các loại thiết bị dạy nghề (*dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...)* và số lượng từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải trang bị để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình dạy nghề May thời trang trình độ cao đẳng đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kèm Quyết định số 761/QĐ-TCDN ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

I. Nội dung danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang

1. Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia theo từng môn học, mô đun

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 34, danh mục thiết bị cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun;

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun

Bảng 35 - Danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia cho các môn học, mô đun. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong các danh mục thiết bị cho các môn học, mô đun;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng đáp ứng được yêu cầu của các môn học, mô đun;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi thiết bị đáp ứng được cho tất cả các môn học, mô đun.

II. Áp dụng danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia nghề May thời trang

Các trường đào tạo nghề May thời trang cấp độ quốc gia trình độ cao đẳng nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

- Danh mục thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun (Bảng 35);

- Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ MÔN HỌC: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước kẻ	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Compa	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
2	Bảng vẽ	Chiếc	35	Dùng để kê, dán giấy vẽ và trượt thước T	- Rộng: ≥ 40cm - Dài: ≥ 60cm
3	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: VẬT LIỆU MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy xác định độ bền vải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành xác định độ bền đứt và độ kéo đứt vải	Thiết bị chuyên dùng trong phòng thí nghiệm
2	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn phân loại các dạng nguyên phụ liệu	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Mẫu vải	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo kích thước vải	Chiều dài: ≥ 1500mm
4	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
5	Kính hiển vi	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết và phân loại các loại xơ dệt	Độ phóng đại: 30X ÷ 100X
6	Kính lúp	Chiếc	09	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết và phân loại cấu trúc kiểu dệt	Độ phóng đại: 12X ÷ 16X

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đếm mật độ các loại vải	Bằng thép không gỉ
8	Ấm đun nước	Chiếc	02	Dùng để đun nước đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho công việc thí nghiệm	Dung tích: ≤ 3 lít
9	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết các loại xơ sợi	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cốc	*Chiếc*	*01*		
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*		
10	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800x 1800)mm

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: NHÂN TRẮC HỌC

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo kích thước	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	35		
	Thước dây	*Chiếc*	35		
	Thước kẹp	*Chiếc*	35		
2	Thước đo độ cao (Martin)	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao cơ thể	- Chiều dài: (150 ÷ 200)mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300)mm
3	Cân bàn	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo khối lượng cơ thể	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Ghế	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao ngồi	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50)cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
5	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn đo các thông số	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: CƠ SỞ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*		
	Thước dây	*Chiếc*	*35*		
2	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*		
3	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế các chi tiết sản phẩm	- Chiều cao: (70 ÷ 90)cm - Chiều dài: (120 ÷ 180)cm - Chiều rộng: (70 ÷ 90)cm
4	Ma nơ canh toàn thân	Bộ	01	Dùng để ghim mẫu thiết kế, mặc thử mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*01*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*01*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Váy nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy may an toàn	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		
3	Máy vắt sổ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy vắt sổ an toàn	Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy thùa khuyết an toàn	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đính cúc an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
7	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đính bọ an toàn	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
8	Máy vắt gấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy vắt gấu an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy ép mex an toàn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
10	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vải đẩy tay an toàn	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
11	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vòng an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Máy dập cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy dập cúc an toàn	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
13	Máy đột	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đột an toàn	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
14	Máy cuốn ống	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cuốn ống an toàn	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
15	Máy trần chun	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy trần chun an toàn	Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
16	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là sản phẩm an toàn	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
17	Bàn là nhiệt	Chiếc	01		Công suất: ≥ 1500W
18	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để nhận biết và thực hành sơ cứu nạn nhân khi gặp tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*		
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*		
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Găng tay	*Đôi*	*01*		
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*		
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*		
19	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*		
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*		
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*		
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*		
20	Bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*		
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*		
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*		
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*		
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: THIẾT BỊ MAY

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may hai kim	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 5000 vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu bằng	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
6	Máy dập cúc	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
7	Máy đính cúc	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
8	Máy đính bọ	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
9	Máy vắt gấu	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Phù hợp với yêu cầu giảng dạy
11	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01		Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
12	Máy cắt vòng	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Máy đột	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành và nguyên lý hoạt động thiết bị	Tốc độ: ≥ 3600 vòng/phút
14	Máy cuốn ống	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
15	Máy trần chun	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2800 vòng/phút
16	Máy lộn cổ	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng thiết bị	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm. Đảm bảo các thông số kỹ thuật
18	Bàn là nhiệt	Bộ	01		Công suất: ≥ 1500W
19	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*01*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*01*		
	Kẹp xâu chỉ	*Chiếc*	*01*		
20	Thước đo	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*35*		
	Thước dây	*Chiếc*	*35*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*18*		
	Thước cong	*Chiếc*	*18*		
21	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
22	Các loại đồ cữ gá	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng đồ cữ, gá	Phù hợp với từng sản phẩm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cữ lộn cổ	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Cữ cuốn gấu	*Chiếc*	*01*		
	Cữ cuốn nẹp	*Chiếc*	*01*		
	Gá cuốn thép tay	*Chiếc*	*01*		
	Cữ viền mép	*Chiếc*	*01*		
	Cữ thùa, đính cúc	*Chiếc*	*01*		
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: MỸ THUẬT TRANG PHỤC

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước kẻ	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Compa	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
2	Bảng vẽ	Chiếc	35	Dùng để dán giấy vẽ lên trong quá trình vẽ mẫu	Kích thước: - Rộng: ≥ 40cm - Dài: ≥ 60cm
3	Bảng pha màu	Chiếc	35	Dùng để hướng dẫn thực hành pha màu vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Bay nghiền màu	Chiếc	35	Dùng để hướng dẫn thực hành lấy màu, trộn màu	
5	Cọ vẽ (bút lông)	Bộ	35	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	
6	Dao trổ	Chiếc	35		
7	Gọt bút chì	Chiếc	35		
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔN HỌC: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Tên nghề: May thời trang
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước dây	Chiếc	35	Dùng để hướng dẫn đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 1500mm
2	Kéo cắt chỉ	Chiếc	35	Sử dụng cho quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo sơ mi nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
4	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra độ kết dính của mex sau khi ép	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra khối lượng của vải	
6	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
7	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm

(Xem tiếp Công báo số 345 + 346)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng